TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 1741/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Phương Trang

2/ Ông Phạm Văn Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1060/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm:19xx. (Vắng mặt)
Địa chỉ X LĐC, khu phố N, phường TT, quận BT, Thành phố Y.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Việt H, sinh năm:19xx. (Vắng mặt)
Địa chỉ: yy TL X, khu phố C, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Việt H có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau. Đến năm 2015 cả hai tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Ytheo Giấy chứng nhận kết hôn số yy, quyển số xx/20xxngày 15/04/2015. Bà và ông Nguyễn Văn Việt H chung sống hạnh P đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông H không quan tâm đến vợ con, ngoại tình nhiều lần, bà đã khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi tính tình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng, không thể hàn gắn. Bà và ông Nguyễn Văn Việt H sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Việt H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng P, sinh ngày 20/10/2017. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc H xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Việt H: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn Việt H vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc H.

Tòa án xác minh cư trú thì ông Nguyễn Văn Việt H hiện đang cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp; xác minh tình trạng hôn nhân thì địa phương cho biết chưa nhận được yêu cầu H giải mâu thuẫn tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn Việt H và bà Phạm Thị Ngọc H.

Ông Nguyễn Văn Việt H vắng mặt trong các buổi H giải nên Tòa án không tiến hành H giải được. Tại phiên tòa thì bà Phạm Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn Việt H vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng trình tự tố tụng từ tống đạt, thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông H có đăng ký kết hôn năm 2015. Theo bà H thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh P đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không quan tâm đến vợ con, ngoại tình nhiều lần, bà đã khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi tính tình. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét, tình cảm vợ chồng của bà H và ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng P, sinh ngày 20/10/2017. Ông H không đến tòa. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ P, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con thể hiện trách nhiệm và tình yêu thương con của bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà H.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H có đăng ký kết hôn, bà Phạm Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Việt H nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Nguyễn Văn Việt H đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số xx/20xx ngày 15/04/2015 do Ủy ban nhân dân phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Y cấp có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H là hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Việt H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H tự nguyện kết hôn năm 2015 và đã có 01 con chung. Theo bà H trình bày thì bà và ông Nguyễn Văn Việt H chung sống hạnh P đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông H không quan tâm đến vợ con, ngoại tình nhiều lần, bà đã khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Cả hai không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông H nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Bà H không cung cấp được chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, lời trình bày của bà H không được ông H xác nhận, xác minh tình trạng hôn nhân thì địa phương không rõ mâu thuẫn giữa hai người. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông H có mặt tại nơi cư trú nhưng ông đã vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc mà không có lý do, cũng không gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Cho thấy, ông H không còn quan tâm đến bà H cũng như không quan tâm đến cuộc hôn nhân của ông bà. Tại tất cả những buổi làm việc do Tòa án tiến hành bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H.

Do đó, có căn cứ xác định ông H không còn thương yêu bà H. Ông H vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;". Bà H yêu cầu được ly hôn, ông H vắng mặt tại tất cả những buổi làm việc, H giải do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa xét xử vụ án, hiện cả hai cũng không còn sống chung, ông H cũng không có ý kiến mong muốn đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của ông H và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà H giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, yêu cầu được ly hôn của bà H là có căn cứ.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng P, sinh ngày 20/10/2017. Ông H không đến Tòa cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con, bà H có ý kiến mong muốn được nuôi trẻ P, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên yêu cầu được nuôi con của bà H là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn Việt H; chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Phạm Thị Ngọc H; về tài sản chung, nợ chung: bà H không có yêu cầu nên không xét.

[5] Từ những căn cứ trên, cùng với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn Việt H; chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Phạm Thị Ngọc H. Giao trẻ Nguyễn Phạm Hoàng P, sinh ngày 20/10/2017 cho bà Phạm Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Việt H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Việt H. Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số xx/20xx ngày 15/04/2015 do Ủy ban nhân dân phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Y cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Việt H có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng P, sinh ngày 20/10/2017. Giao trẻ Nguyễn Phạm Hoàng P cho bà Phạm Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Việt H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà H khi bà H, ông H hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà Phạm Thị Ngọc H có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn Việt H thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông Nguyễn Văn Việt H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà Phạm Thị Ngọc H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Việt H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc H xác định không có, nên không xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Phạm Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số 0034443 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Phạm Thị Ngọc H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hạnh